

Bản án số: **131/2019/DS-ST**
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý
2. Ông Phạm Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đinh Thanh V, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 24, đường ĐX 048, Tổ 17, Khu phố 4, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Văn Quang Tr, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp 1, xã Q, huyện M, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: Số 467/9 Đại lộ D, Khu phố 1, phường C, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/5/2019), có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Vận tải V (viết tắt Công ty V); địa chỉ: Số 563, đường T, phường M, thành phố M, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên lạc: Số 6/D119, đường T, Tổ 84, Khu phố 6, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn L, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 113/20, đường 30/4, Tổ 8, Khu phố 6, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo pháp luật (chức vụ Giám đốc), vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 389/7/19, đường T, Tổ 86, Khu phố 6, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3.2. Ông Đoàn Tú A, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 962 Đại lộ D, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2015, ông V cho Công ty V vay số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 01/7/2015 - 01/7/2016. Lãi suất 2%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi trả vào ngày 01 tây hàng tháng.

Tuy nhiên sau khi vay, Công ty V không trả tiền lãi cho ông V theo thỏa thuận. Hết thời hạn vay, ông V đòi nợ thì Công ty V xin khất nợ nhưng sau đó cũng không trả. Do đó, ông V khởi kiện yêu cầu Công ty V trả lại số tiền gốc 100.000.000 đồng, không yêu cầu Công ty V trả tiền lãi.

Chứng cứ Công ty V cung cấp là Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015.

- Tại Bản tự khai đề ngày 01/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng N trình bày:

Ông N là thành viên góp 50% vốn của Công ty V.

Ngày 01/7/2015, Công ty V có vay của ông V số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 01/7/2015 - 01/7/2016. Lãi suất 2%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi trả vào ngày 01 tây hàng tháng.

Đến thời hạn trả nợ do Công ty V gặp khó khăn về tài chính nên chưa thể thanh toán số tiền vay trên cho ông V theo như thỏa thuận trong hợp đồng.

Hiện nay, do bất đồng trong nội bộ công ty và không liên lạc được người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Văn L (đang giữ giấy tờ pháp lý và con dấu của công ty) nên Công ty không thể giao dịch được. Ông N đồng ý trả lại số tiền 100.000.000 đồng cho ông V nhưng ông N không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty V nên không thể quyết định được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông N nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại Bản tự khai đề ngày 01/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Tú A trình bày:

Trước đây ông A là thành viên góp vốn của Công ty V. Đến tháng 6/2016 ông A chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của ông A cho ông L và ông N.

Ông A thừa nhận ngày 01/7/2015, Công ty V có vay của ông V số tiền 100.000.000 đồng để kinh doanh. Thời hạn vay 12 tháng, tính từ ngày 01/7/2015 - 01/7/2016. Lãi suất 2%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay, tiền lãi trả vào ngày 01 tây hàng tháng.

Hiện nay, ông A không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty V. Do vậy, việc tranh chấp hợp đồng vay tiền giữa ông V và Công ty V do người đại diện theo pháp luật của Công ty và những thành viên góp vốn hiện tại có trách nhiệm tham gia giải quyết.

Ông A nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty V không đến Tòa án để làm việc, không giao nộp chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn ông Văn Quang Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015, có chữ ký của Giám đốc Công ty là ông Lê Văn L và các thành viên Công ty là ông Đoàn Tú A, ông Lê Hoàng N; cũng như sự tự thừa nhận của ông N, ông A về việc Công ty có vay tiền của ông V nên có cơ sở xác định giữa ông Đình Thanh V và Công ty V có giao kết hợp đồng vay số tiền 100.000.000 đồng với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 2%/tháng. Đến hạn thanh toán nợ, Công ty V không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty V và người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Lê Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ bị đơn đã tự thừa nhận việc vay tiền như nguyên đơn trình bày và bị đơn đã tự bỏ quyền tự chứng minh của mình. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty V trả số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng.

Về tiền lãi, Công ty V không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Đề nghị Tòa án tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT ngày 11/7/2019 cho đến khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có trụ sở tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Về thời hiệu khởi kiện, do bị đơn không có yêu cầu áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện nên tranh chấp này thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015 và lời trình bày, thừa nhận của ông N, ông A, Tòa xác định: Tranh chấp giữa ông V và Công ty V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015). Đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất, không thế chấp tài sản bảo đảm. Giao dịch vay tiền giữa ông V và Công ty V được xác lập trước ngày 01/01/2017 (thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành), do vậy Tòa áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015 do ông V giao nộp có bản chính để đối chiếu; chữ viết, chữ ký, con dấu trong hợp đồng được ông N, ông A (thành viên Công ty V) thừa nhận, ông Lê Văn L (đại diện theo pháp luật của Công ty V) không có ý kiến phản đối nên được xác định là chứng cứ quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong hợp đồng vay thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay. Do đó, đến hạn trả nợ, Công ty V không trả ông V khởi kiện đòi nợ là hoàn toàn chính đáng, phù hợp Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 (nay là Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015) nên Tòa chấp nhận, buộc Công ty V trả lại số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng cho ông V.

Về tiền lãi, ông V không yêu cầu Công ty V trả, do đó Công ty V không có trách nhiệm trả số tiền lãi của Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Phong tỏa tài khoản (số tiền 100.000.000 đồng) của Công ty V tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên để đảm bảo thi hành án và ưu tiên thanh toán cho ông V trong quá trình thi hành án. Xét thấy, hiện nay Tòa chưa có căn cứ thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Do đó, căn cứ khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều

của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, Tòa cần tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời nêu trên để đảm bảo thi hành án và ưu tiên thanh toán cho ông V sau khi trừ án phí, chi phí cưỡng chế đối với vụ án này trong quá trình thi hành án.

Từ những phân tích trên, xét thấy ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V được nhận số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty V phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho ông V theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 95, 147, 227, 228, 266, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 184, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Thanh V đối với bị đơn Công ty V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về tiền nợ gốc: Buộc Công ty V trả cho ông V số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015.

Về tiền lãi: Công ty V không phải trả số tiền lãi của Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/7/2015.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời: Phong tỏa tài khoản (số tiền 100.000.000 đồng) của Công ty V tại Ngân hàng TMCP N Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo quy định tại Điều 124 của Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo thi hành án và ưu tiên thanh toán cho ông Đinh Thanh V sau khi trừ án phí, chi phí cưỡng chế đối với vụ án này trong quá trình thi hành án theo quy

định tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông V được nhận lại số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) đã tạm nộp tạm ứng theo Biên lai thu số AA/2016/0034003, ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

- Buộc Công ty V nộp số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình